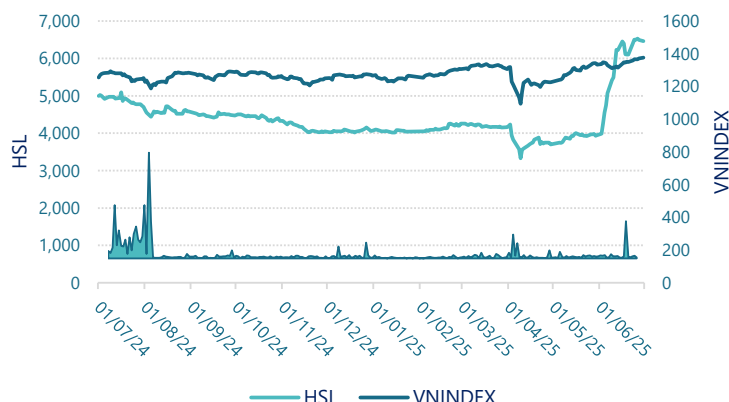


CTCP Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà (HSX: HSL)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	6,460
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,530
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,330
SL cổ phiếu LH	38,567,363
KLGD BQ 20 phiên (CP)	986,605
% sở hữu nước ngoài	1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	249
P/E	82.0
EPS	79

DT thuần

Q2/25

27.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 18.6 | 215%

YoY: ▼ 41.8 | -60.5%

LN sau thuế

Q2/25

-1.97

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 4.92 | -167%

YoY: ▼ 4.89 | -168%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

13.6%

+/- YoY: ▲ 8.8%

DT thuần

6T 2025

35.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 74.1 | -67.2%

LN sau thuế

6T 2025

0.98

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 3.93 | -80.1%

ROE

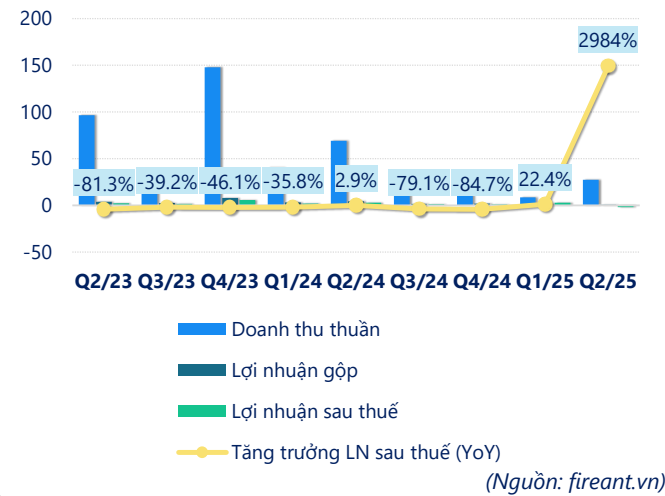
Q2/25

0.7%

+/- YoY: ▼ 2.0%

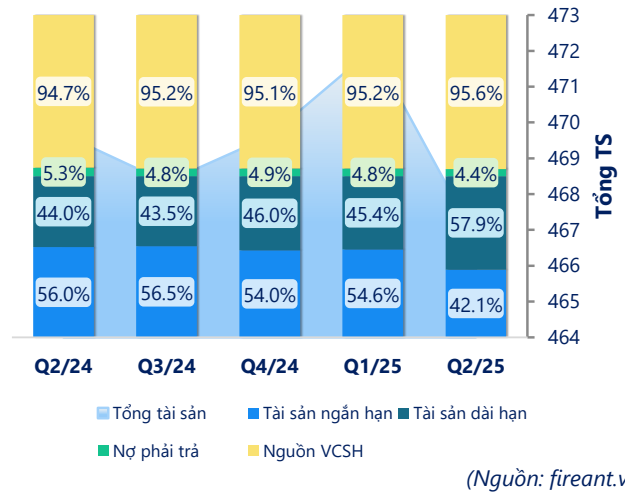
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

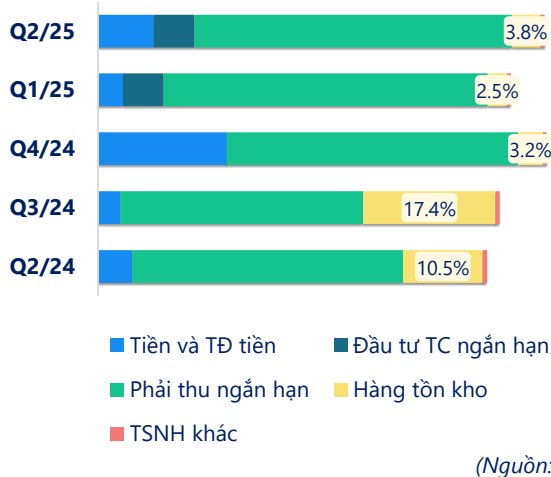


Cơ cấu Tổng tài sản

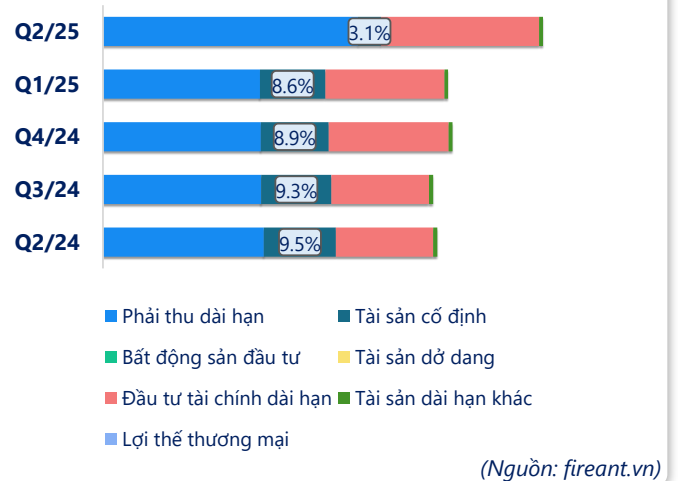
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

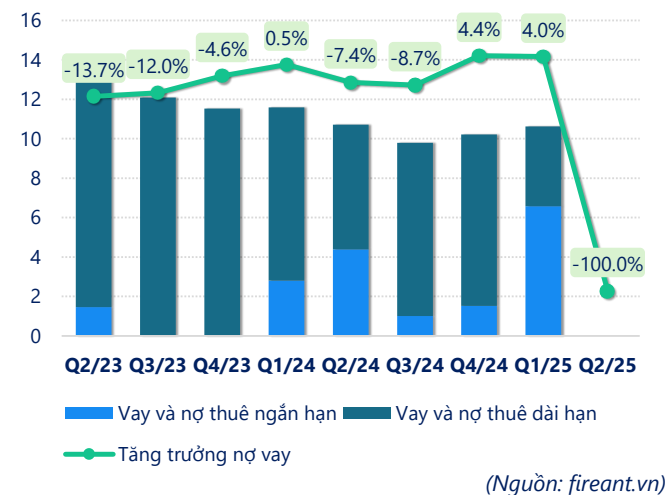


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



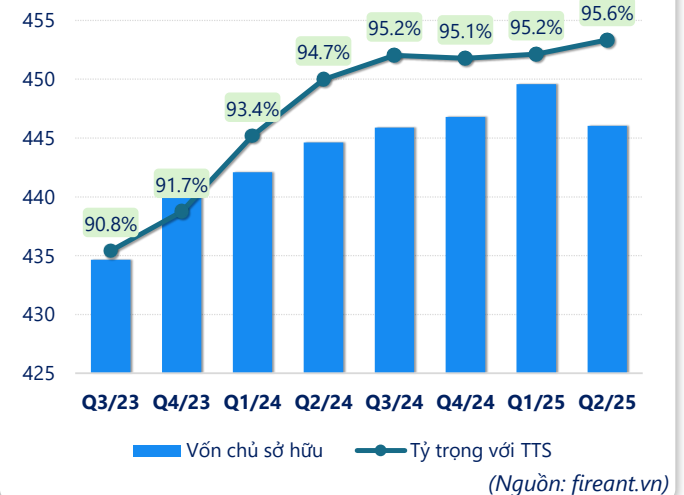
tỷ VNĐ

Nợ vay

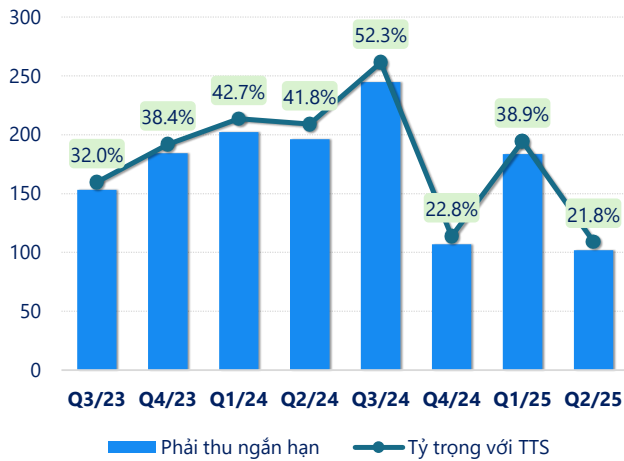


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

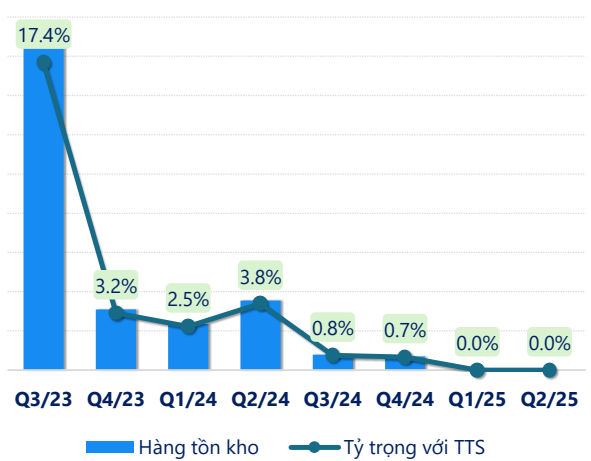


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


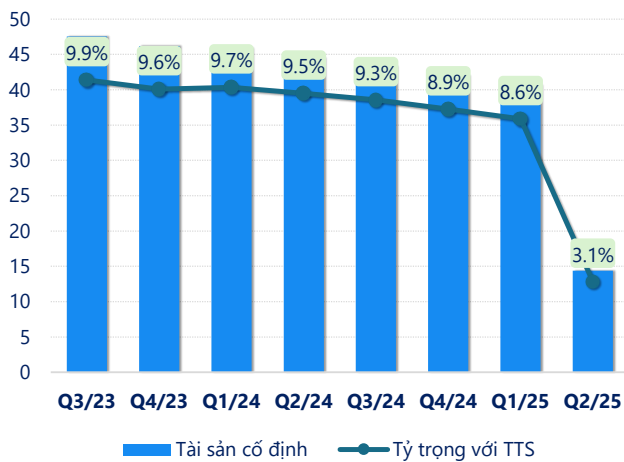
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


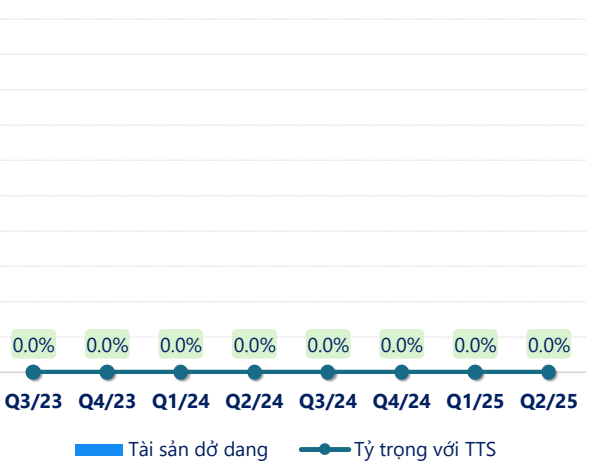
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

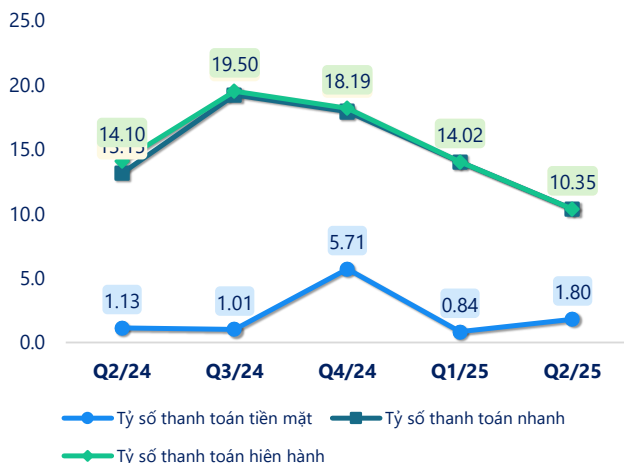
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

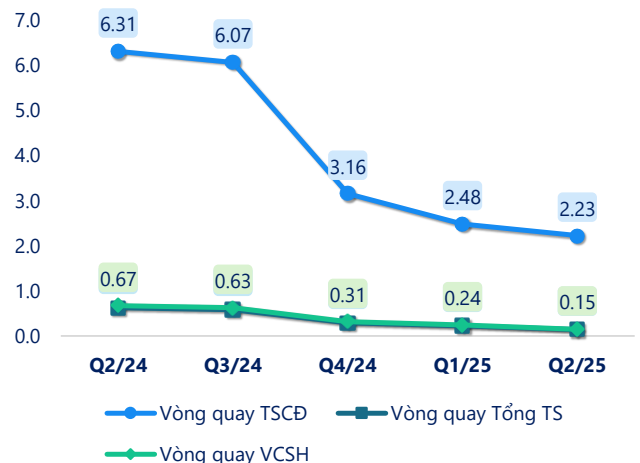
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	470	468	470	472	467
Tài sản ngắn hạn	263	265	254	258	196
Tiền và tương đương tiền	21.1	13.7	79.6	15.5	34.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.3	0	61.5	56.5	59.6
Phải thu ngắn hạn	196	245	107	183	102
Hàng tồn kho	17.7	3.90	3.50	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	2.55	2.35	2.14	2.07	0.81
Tài sản dài hạn	207	204	216	215	270
Phải thu dài hạn	99.6	97.6	97.6	97.6	157
Tài sản cố định	44.5	43.3	42.0	40.6	14.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	60.2	60.2	74.1	74.0	97.1
Tài sản dài hạn khác	2.51	2.49	2.41	2.33	2.25
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	25.1	22.4	22.8	22.5	20.7
Nợ ngắn hạn	18.6	13.6	13.9	18.4	19.0
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4.39	1.01	1.52	6.58	0
Phải trả người bán ngắn hạn	4.74	3.05	2.84	2.58	5.71
Nợ dài hạn	6.41	8.86	8.87	4.12	1.74
Vay và nợ thuê dài hạn	6.33	8.78	8.69	4.05	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	445	446	447	450	446
Vốn chủ sở hữu	445	446	447	450	446
Vốn điều lệ	354	386	386	386	386
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)